

NGHỀ GIÁN ĐIỆP

Người ta thường nói hai nghề xưa nhất trên trái đất là nghề làm điếm và nghề gián điệp. Nếu điếm có đủ hạng, thượng vàng hạ cám thì nghề gián điệp cũng vậy. Ai cũng có thể làm gián điệp: thầy chùa, cha cô, giáo sư đại học, nhà báo, chính khách, gái điếm ... và hình như phong trào tuyển mộ gián điệp càng lúc càng thịnh hành, dù thời bình hay thời chiến.

Cuốn sách “Man Without a Face” (Người Không Chân Dạng) của ông Markus Wolf viết cách đây 9 năm nói về cuộc đời làm gián điệp của ông cho đến nay vẫn còn ăn khách.

Trước đây tôi đã tạm dịch thành một truyện ngắn. Tôi xin gửi vào trang nhà này để độc giả “mua vui cũng được một vài trống canh”. Xin thành thật cảm ơn bạn đọc.

****Trần Bình Nam****

ĐẦU GIÁ MÓN HÀNG MARKUS WOLF

Mùa hè năm 1990, Đông và Tây Đức chuẩn bị thống nhất. Là một người suốt đời phục vụ cho bộ máy tình báo Đông Đức, gây thù chuốc oán, tôi biết tôi sẽ bị truy nã, mặc dù nghỉ hưu đã được 4 năm.

Văn phòng chính của tôi đặt ở Berlin. Cũng tại Berlin các căng thẳng Đông Tây từng diễn ra và nếu có một trận đại chiến giữa Đông và Tây Berlin sẽ là ngòi nổ.

Bức tường Berlin sụp đổ tháng 11 năm 1989 làm tôi hoàn toàn ngỡ ngàng mặc dù trong 4 năm nghỉ hưu tôi có thì giờ suy nghĩ về những biến cải có thể xảy ra cho một chế độ tự trời lấy mình. Không như nhiều người tưởng, dân Đông Đức đợi chờ thống nhất với nhiều lo âu và cảm thấy là người thua cuộc. Nhân sự trong bộ máy công an của Đông Đức được báo chí, chính khách và quan tòa xem là kẻ thù của nhân dân. Ngày 15 tháng 1 năm 1990 dân chúng đột nhập bộ Nội vụ và phanh phui một số tài liệu cho thấy công an Đông Đức theo dõi từng người dân Đông Đức như thế nào làm cho dân chúng càng thêm phẫn nộ. Tòa án Tây Đức muốn bắt tôi.

Trong không khí đó tôi chạy sang Mạc Tư Khoa ở tạm nhà người em gái cùng cha khác mẹ Lena Simonova. Mạc Tư Khoa là nơi gia đình tôi từng lánh nạn Quốc xã của Hitler. Mẹ tôi gốc Do Thái và cha tôi là người chống thuyết Quốc xã. Sống ở Mạc Tư Khoa từ nhỏ tôi có quốc tịch Nga, nói tiếng Nga như một người Nga tôi thấy an tâm bên cạnh những người bạn KGB thân thiết thuở nào. Bạn cũ trong ngành tình báo của tôi ở Đông Đức tới tập viết thư cho tôi kêu cứu. Vào lúc này ít ai ở Tây Đức phân biệt giữa bộ Nội Vụ (Stasi) và cơ quan phản gián Đông Đức (HVA). HVA của tôi mặc dù thuộc Stasi nhưng công tác chính là tình báo hải ngoại chống lại mưu toan của các nước Tây Phương muốn đè bẹp khối Xô viết. Stasi được đồng hóa với tôi ác.

Tại Mạc Tư Khoa Leonid Shebarshin, trưởng ngành phản gián Liên bang Xô viết lịch sự tiếp tôi với mấy chai vodka thật ngon, thăm hỏi nơi ăn chốn ở của tôi. Nhưng tôi nhận ra rằng

trong không khí đổi mới của nước Nga triều đại Gorbachev, KGB không còn là cơ quan quyền năng tuyệt đối và chẳng giúp gì được tôi.

Người chỉ đạo chính sách đối đãi với tôi là Valentin Falin, cố vấn ngoại giao của Mikhail Gorbachev, vì tôi là người biết rõ các đường dây tình báo hải ngoại của Đông Đức trong đó có ít nhiều liên hệ với các đường dây tình báo của Liên bang Xô viết. Lúc này Falin đang mua chuộc cảm tình của Tây phương trong chính sách đổi mới nên cái khó của Falin là làm sao giữ tôi trong hàng ngũ mà không làm Tây phương khó chịu.

Tôi không ngạc nhiên về sự thay đổi chính sách của Mạc Tư Khoa. Mùa hè năm 1990 Gorbachev yêu cầu đại sứ Nga tại Bonn bàn với thủ tướng Tây Đức Helmut Kohl về việc không truy tố nhân viên tình báo Đông Đức như một điều kiện để thống nhất nước Đức nhưng khi thấy thủ tướng Kohl không thuận Gorbachev cũng bỏ qua. Trong cuộc họp thượng đỉnh Gorbachev - Kohl tại Caucasus từ 14 đến 16 tháng 7 năm đó để chung quyết kế hoạch thống nhất nước Đức, Gorbachev không buồn nhắc đến số phận của các điệp viên Đông Đức. Có lúc Tây Đức định nêu vấn đề “không truy tố”, Gorbachev xua tay bảo đó là việc giữa hai nước Đức với nhau. Sau buổi họp này tôi biết Gorbachev bán chúng tôi để được tiếng một người đổi mới hoàn toàn.

Trong khi chờ đợi thống nhất, một cuộc tranh mua diễn ra giữa các cơ quan tình báo Tây Phương. Người ta muốn mua các hiểu biết tình báo của tôi với giá tự do cho bản thân tôi, nhất là lúc này cơ quan CIA đang điên đầu muốn biết ai là điệp viên nằm trong cơ quan CIA đã bán sinh mạng các điệp viên Nga đang làm việc cho Hoa Kỳ (sau này FBI phát giác vụ vợ chồng ông Aldrich Ames) mà CIA nghĩ tôi biết. Sự thật tôi không biết.

Tình báo Tây Đức BfV mở cuộc mua bán đầu tiên qua trung gian Peter-Michael Diestel, tổng trưởng Nội Vụ của chính phủ Đông Đức do đảng Dân chủ Thiên chúa giáo vừa đắc cử trong cuộc bầu cử tự do đầu tiên tháng 3 năm 1990. Chính phủ của đảng Dân chủ Thiên chúa giáo được thủ tướng Tây Đức ủng hộ và công việc chính là hợp tác với Tây Đức chuẩn bị thống nhất hai nước. Lúc này Erich Mielke, nguyên tổng trưởng Nội Vụ của Honecker đã bị bắt.

Một hôm Diestel gọi điện thoại mời tôi lại nhà ông dùng cơm tối bàn chuyện thời sự. Tôi nhận lời. Vài ngày sau Diestel cho một chiếc BMW bóng nhoáng đến đón. Trong bữa cơm chiều tôi nhận ra vài khuôn mặt cũ trong các người bồi bàn. Diestel vào chuyện ngay đầu bữa cơm. Ông ta cho biết cơ quan BfV dựa vào các tài liệu có được và sự hợp tác của Werner Grossman, người thay tôi từ năm 1986 và một phụ tá thân tín là Bernd Fisher để tìm hiểu các đường dây và cách tổ chức của tình báo Đông Đức nhưng chẳng mấy thành công. Đến đó Diestel rót thêm rượu vào li tôi và nói: “Ai có thể giải thích rõ ràng cho họ bằng anh, người đã tổ chức bộ máy đó.” Diestel tiếp: “chỉ cần ngay bây giờ anh lên xe cùng tôi đến văn phòng của Boeden (Gerhard Boeden, trưởng ngành phản gián Tây Đức), cho ông ta một danh sách từ mười đến mười hai điệp viên lớn anh đã cài vào các nước Tây phương và vắn tắt công tác của họ đã làm. Thế là xong; anh được tự do.”

Tôi cảm ơn Diestel nhưng tôi nói tôi có trách nhiệm đối với nhân viên cũ. Nói qua nói lại một hồi Diestel bực mình nói: “Anh Wolf, anh biết trước sau chúng ta cũng đi tù. Vấn đề là người ta giam giữ chúng ta thế nào thôi.”

Nghĩ đến bị tù, bị ngược đãi tôi cũng ngán nhưng khi nghĩ đến những người đã phục vụ tôi nếu vì tự do của bản thân để họ bị tù đày tôi không nỡ. Tôi dứt khoát: “Tôi chịu thôi, để cho ai phản bội thì phản bội.” Diestel nói: “Không thiếu người đâu. Riêng anh khi nào đổi ý anh và tôi vẫn còn dịp cùng đi gặp Boeden.”

Đến lượt CIA. Ngày 28-5-90 hai người Mỹ đến nhà nghỉ mát của tôi ở ngoại ô Berlin qua trung gian một người phụ tá thân tín của tôi. Họ không dùng điện thoại sợ KGB hay tình báo Tây Đức biết. Người lớn tuổi tự giới thiệu là Hathaway thuộc cơ quan CIA và do giám đốc CIA William Webster phái tới. Người kia là Charles, trẻ, to con, ít nói, tự giới thiệu là trưởng phòng tình báo CIA ở Berlin. Cả hai nói giỏi tiếng Đức. Họ tặng tôi một bó hoa lớn và vợ tôi một hộp chocolate. Nhìn hoa tôi không biết ý của họ là hoa mừng hay hoa tặng đám ma. Nghề gián điệp dạy tôi thận trọng tránh bị bắt chẹt về sau tôi lên đặt máy ghi âm toàn bộ buổi nói chuyện. Từ đầu đã căng thẳng vì khi thấy tôi lấy thuốc lá Hathaway khuyên tôi đừng hút để nói chuyện cho thoải mái tôi vẫn hút.

Trong câu chuyện mào đầu Hathaway cho biết ông ta hiểu hoàn cảnh khó khăn tù tội đe dọa trước mắt của tôi, nhưng không quên vuốt ve khen tôi là một tay gián điệp giỏi. Để khỏi vòng vo tam quốc tôi vào đề: “Chắc quý vị không đến đây hôm nay để khen đôi mắt tôi đẹp. Quý vị cần gì nào?” Hai ông bạn CIA cười thoải mái. Hathaway hạ thấp giọng: “Chúng tôi biết anh là một người cộng sản, nhưng nếu anh muốn giúp chúng tôi hay làm việc với chúng tôi anh có thể làm việc với tôi. Việc này hoàn toàn kín đáo chẳng ai biết. Chúng tôi có thể sắp xếp được. Anh biết California nắng ấm và trời đẹp quanh năm.”

Tôi cười bông đùa, “Siberia cũng đẹp vậy,” để có thì giờ suy nghĩ. Và tôi trả lời: “Tôi chẳng hề biết nước Mỹ, và thật khó cho tôi nếu tưởng tượng tôi sẽ sống ở đó.”

Đi sát vào vấn đề hơn Hathaway nói giám đốc William Webster muốn mời tôi sang tổng hành dinh CIA ở Langley, Virginia để bàn thêm chi tiết. Hathaway nói: “Nếu anh muốn thì đổi hình đổi dạng thôi.” Hathaway còn hứa một số tiền lớn dành cho tôi. Không biết lớn bao nhiêu nhưng phụ tá của tôi là Juggen Ragalla, người phụ trách phòng điệp báo chống Hoa Kỳ được hứa một triệu mỹ kim.

Biết trước sau Hathaway cũng đề nghị tôi tiết lộ danh tánh điệp viên chúng tôi gài ở Hoa Kỳ tôi nói trước tôi không sẵn sàng làm điều đó. Hathaway nói: “An ninh của anh ở đây đâu có bảo đảm” có ý nhắc tôi chỉ trong vòng vài tuần tôi sẽ bị bắt. Tôi ồm ồm: “Còn nước Nga chứ.” Hathaway nghiêm giọng: “Đừng đi Mạc Tư Khoa ông bạn ơi, đời sống ở đó rất khó khăn. Hãy nghĩ đến Andrea (Andrea là vợ tôi). Hãy đến một nơi có điều kiện để làm việc và viết lách. Theo tôi chỉ có Hoa Kỳ là hợp cho anh.”

Để tránh bị trở mặt tôi đề nghị CIA qua trung gian một ngoại vi nào đó chính thức mời tôi sang Hoa Kỳ. Hathaway hoảng hốt với ý này vì Hoa Kỳ đâu có muốn Tây Đức biết CIA đang qua mặt BfV.

Khác với Tây Đức, Hoa Kỳ không đòi hỏi tôi phải tiết lộ danh tính của gián điệp Đông Đức tôi đã gài vào các nước Tây phương, Hoa Kỳ muốn biết về KGB và cách tổ chức của tình báo Nga và các điệp viên của Nga nằm trong CIA. Không dấu diếm Hathaway nói: “Ông Wolf, chúng tôi đến đây vì chúng tôi biết ông đã hợp tác với Mạc Tư Khoa trong một số trường hợp quan trọng. Chúng tôi đang điều tra một kẻ phản bội nằm trong hàng ngũ CIA. Từ năm 1985 chúng tôi mất ít nhất từ 30 đến 40 điệp viên tại Bonn cũng như tại nhiều vùng không lạ gì đối với anh.”

Vụ này là vụ Aldrich Ames, và như đã nói ở trên tôi không biết. Điều tôi biết là CIA đã phải nuốt tự ái để tìm tới tôi. Hôm sau hai vị khách quý lại đến và không hứa hẹn gì về đề nghị của tôi. Hathaway cho tôi một số điện thoại miễn phí và khóa nhận điện để gọi thẳng tổng hành dinh CIA. Hathaway ra vẻ nghĩ rằng thời gian có lợi cho ông ta và bất lợi cho tôi.

Ba tháng sau Hathaway và Charles trở lại cho biết giám đốc Webster không đồng ý mời tôi, chỉ hứa ban quyền tị nạn. Charles dặn tôi lúc khẩn cấp và cần giúp hãy cho vợ tôi đến một trạm điện thoại công cộng trong sở thú Bahnhof ở Tây Berlin gọi một số cho sẵn xưng là Gerrud muốn nói chuyện với Gustav. Lập tức bộ máy tình báo sẽ chuyển động và đưa gia đình tôi ra khỏi Đức - tôi nghĩ - chẳng khác gì trước đây Nga đã dùng phi cơ quân sự đưa Erich Honecker đi Mạc Tư Khoa. Ngày 26 tháng 9 Hathaway đến một lần nữa. Hành lý tôi đã sẵn sàng nhưng tôi không đổi lập trường. Không mời chính thức tôi không đi. Tôi không muốn bị kẹt tại Mỹ. Tình báo là một nghề bạc bẽo.

Việc Do Thái nhảy vào cuộc mua bán có lẽ Hoa Kỳ, Nga hay Tây Đức đều không ngờ tới. Tuy có máu Do Thái của mẹ, tôi lại làm bạn thân thiết với KGB, phục vụ chủ nghĩa cộng sản bao nhiêu năm, đương nhiên người Do Thái xem tôi là thù địch. Nhưng Do Thái vẫn tìm tới tôi qua trung gian bà Irene Runge, giám đốc Hội Văn Hóa Do Thái mới lập ở Đông Đức trong thập niên 80 sau khi Đông Đức bớt thân thiện khối A Rập. Tôi tình cờ gặp bà Runge trong cuộc biểu tình ngày 4 tháng 11 năm 1989 tại Berlin đòi thay đổi chế độ. Khoảng mùa hè 1990 bà gọi tôi giới thiệu một tu sĩ Do Thái giáo tên là Tsvi Weinman. Sau đó ông Weinman đến nhà tôi chơi, tỏ tình đồng chủng và hỏi tôi có muốn viếng Do Thái không. Tôi không nhận lời cũng không từ chối. Sau đó tờ báo Yediot Ahranoth của Do Thái chính thức mời tôi.

Trong khi chờ đợi tôi tìm hiểu về tu sĩ Weinman và được biết thiếu thời ông từng phục vụ Mossad tức cơ quan tình báo Do Thái. Tôi đoán Do Thái cần tôi vì nghĩ tôi biết về tổ chức khủng bố Palestine. Thật ra tôi biết rất ít trong lĩnh vực này nhưng nghĩ cứ đi Do Thái rồi tính sau. Nhưng Do Thái hủy bỏ kế hoạch đón tôi, có lẽ nghĩ cái lợi có tôi không bằng cái thiệt hại có thể có trong mối bang giao tốt đẹp với Tây Đức.

Sau đó tôi bị bắt, ra tòa bị kết tội, được tòa trên phá án, rồi bị truy tố về tội khác. Tôi đang được tại ngoại.

ĐỘN NHẬP BẰNG LÀN SÓNG TỊ NẠN

Nước Đức trong thập niên 1950 là một quốc gia không ai tin ai. Cả hai nước, Đông và Tây đều nói mục tiêu chính là thống nhất đất nước, nhưng cũng không tin ở chính mình. Phân tích quyền lợi của hai khối thắng trận là Liên bang Xô viết và Đồng minh, chính yếu là Hoa Kỳ tôi thấy triển vọng thống nhất Đức quốc rất mơ hồ, ít nhất trong thời gian thấy được trước mắt. Cuộc nổi dậy tại Đông Đức năm 1953 cho Đồng minh một hy vọng nhưng sau đó cũng tắt nót. Hy vọng thống nhất càng ngày càng lu mờ do căng thẳng kinh tế giữa Đông và Tây, và nhất là khi Tây Đức tái vũ trang và dự tính gia nhập khối NATO (Liên phòng Bắc Đại Tây Dương). Tuy nhiên các nhà lãnh đạo Đông Đức vẫn dùng chiêu bài thống nhất để nắm chính nghĩa mặc dù dân chúng Đông Đức ùn ùn bỏ trốn sang Tây Đức.

Trong thập niên 1950 biên giới giữa Đông và Tây Đức hầu như bỏ ngõ, hàng ngàn người bỏ trốn qua Tây Đức nhất là sau cuộc nổi dậy bất thành tháng 6 năm 1953. Tổng số vượt biên từ năm 1953 đến giữa năm 1956 lên đến nửa triệu người trên tổng số 18 triệu dân.

Chúng tôi gài điệp viên một cách dễ dàng trong làn sóng người qua biên giới. Đó là những đảng viên cộng sản trẻ tuổi và đã đóng góp nhiều cho công tác gián điệp sau này. Mỗi người đều chuẩn bị một câu chuyện để trả lời giới chức phỏng vấn tại các trung tâm tị nạn Tây Đức. Chuyện hợp lý và dễ nghe nhất là đoàn tụ với bà con bên Tây Đức. Chuyện khác như tung tích tham gia đảng Quốc Xã bị tiết lộ hay đã phát biểu không vừa tai của chính quyền Đông Đức bị truy nã phải bỏ trốn. Chúng tôi nguy tạo hồ sơ truy nã các thành phần chuẩn bị nằm vùng này phòng trường hợp phân gián Tây Đức cho điều tra. Rút kinh nghiệm gài người, tôi không dùng bất cứ ai có thân nhân ở Tây Đức trong ban tham mưu của tôi.

Mỗi đối tượng được gài tôi định một nhiệm vụ hạn chế trước và huấn luyện kỹ càng cho nhiệm vụ này. Tôi không tham lam qui định nhiều nhiệm vụ cho một đối tượng, vì vừa ít hữu hiệu vừa dễ bị lộ. Trong một vài trường hợp đặc biệt tôi đưa họ về Đông Đức để huấn luyện. Gài người Đông Đức sang Tây Đức tương đối dễ vì cùng ngôn ngữ và văn hóa. Nga gài người vào nước Mỹ, và ngược lại, khó hơn nhiều. Tuy nhiên về sau khi hai nước Đức càng ngày càng trở nên khác nhau, nhất là sau khi bức tường Berlin được dựng lên việc độn nhập người trở nên phức tạp hơn. Đối tượng được gài phải được chuẩn bị chu đáo hơn. Lý do đi trốn phải có lý hơn. Tuy nhiên công việc của tôi đơn giản hơn công việc của người đối thủ tôi ở Tây Đức vì dân Tây Đức rất ít người trốn qua Đông Đức. Nhưng Tây Đức không cần gài người, họ chỉ cần tuyển mộ người dân Đông Đức bất mãn với chế độ.

Tôi không hy vọng người chúng tôi gài có thể kiếm việc ngon lành ngay. Họ phải bắt đầu bằng công việc tay chân để làm kế sinh nhai. Tôi huấn luyện nghề cho họ, ngoại trừ các khoa học gia hay sinh viên khoa học họ sẽ tìm việc văn phòng hay nghiên cứu nơi các cơ sở tôi cần tin. Ngoài ra tôi còn lấy tin qua quan hệ bán chính thức với các khoa học gia Tây Đức. Một số khoa học gia này thấy tai hại của hai quả bom nguyên tử Hoa Kỳ thả xuống Hiroshima và Nagasaki nên liên lạc với chúng tôi để tìm cách ngăn ngừa Tây Đức phát triển vũ khí nguyên tử và vi trùng.

Nhiều điệp viên của tôi đã len lỏi vào nhiều cơ sở khá mật của Tây Đức. Một vài người giữ nhiệm vụ lãnh đạo công ti. Nhưng ít ai thành công len lỏi được vào các cơ sở quân sự và chính trị tối mật của Bonn.

Công tác này tôi thực hiện bằng “mỹ nhân kế” hay nói đúng hơn là “nam nhân kế”. Nhưng đó là chuyện sau.

MỸ NHÂN KẾ

Dùng mỹ nhân lấy tin của địch là chuyện cũ như trái đất. Nhưng nếu tôi được ghi vào lịch sử tình báo, một phần vì tôi đã xử dụng “nam nhân kế” một cách hữu hiệu không ngờ. Những chàng gián điệp đẹp trai của tôi nổi tiếng nhờ chinh phục nhiều quả tim phụ nữ của Tây Phương.

Trong thế kỷ này phụ nữ trở thành đối tượng của tình báo vì phụ nữ càng ngày càng nắm những chức vụ then chốt.

Romeo gián điệp đầu tiên của tôi mang bí danh Felix. Tên thật của Felix đến nay vẫn còn bí mật. Tôi tuyển mộ Felix từ đại học khi anh đang học về ngành cơ khí. Cách chọn người của chúng tôi rất kỹ. Trong hàng trăm đối tượng trong đảng cộng sản, trong các đại học và các tổ chức thanh niên, may mắn lọc ra được mười người. Felix là một người có cá tính đặc biệt. Khi chúng tôi ngỏ lời anh hơi do dự, nhưng chúng tôi thuyết phục anh rằng nghề gián điệp mạo hiểm và lý thú, và anh đã chọn sự mạo hiểm.

Sau khi được huấn luyện tôi dùng giấy tờ giả đưa Felix qua Cologne (Tây Đức) với ý định len lỏi vào cơ quan phản gián Tây Đức có trụ sở tại đó. Một thời gian Felix kiếm được việc rao hàng (sales representative) cho một hãng bán mỹ phẩm và thường được hãng cử đi Bonn nên tôi đổi công tác của Felix hướng về Bonn. Tôi nghiên cứu cách để Felix lọt vào dinh thủ tướng Adenauer. Lúc đó chúng tôi mù tịt về sinh hoạt nội bộ của phủ thủ tướng. Kế hoạch là vậy, nhưng tôi chưa thấy có cách gì để một anh chàng bán mỹ phẩm có thể lọt vào dinh một ông thủ tướng.

Felix là người có sáng kiến đầu tiên. Anh tạo cơ hội tới dùng trạm xe buýt gần dinh thủ tướng lân la làm quen các cô thư ký trong phủ. Felix tin vào diện mạo đẹp trai và tài tán gái của mình và anh đã thành công. Anh làm quen được một nữ thư ký dung nhan trung bình trong dinh thủ tướng. Tôi đặt bí danh cô là Norma. Norma trở thành tình nhân của Felix và những gì Norma biết chúng tôi được “san sẻ” qua mối tình Felix-Norma. Tình cờ trở thành tình thật và hai người dọn vào ở chung với nhau. Norma giới thiệu Felix với nhân viên trong dinh thủ tướng vào các dịp picnic, đánh bowling hay đi thuyền trên sông Rhine. Nhảy đầm giỏi và tửu lượng cao, Felix thừa sức mua chuộc bạn bè của Norma, nam cũng như nữ. Nhưng hai người không thể cưới nhau. Cơ quan tình báo Tây Đức sẽ điều tra kỹ về người chồng tương lai của nàng và tung tích giả của Felix sẽ bị tiết lộ. Hai người đành sống cảnh “già nhân nghĩa non vợ chồng” trong nhiều năm.

Khi một gián điệp của tôi gài trong cơ quan phản gián Tây Đức cho biết Felix đang kín đáo bị điều tra vì quan hệ với Norma tôi quyết định rút Felix về Đông Đức. Một hôm Norma đi làm về thấy chàng đã cao chạy xa bay. Nàng đau khổ, và Felix trên đường đào thoát cũng đau khổ không kém. Hai chai vodka tôi mở mừng Felix an toàn trở về không làm Felix nguôi sầu. Nhưng chức năng gián điệp không bỏ Felix. Trong cơn đau khổ Felix không quên báo cáo với tôi một phụ nữ Tây Đức có thể là đối tượng tốt cho một cuộc hành quân Romeo khác. Sau này cô mang bí danh Gudrun, là nữ thư ký của Globke, chánh văn phòng phủ thủ tướng Tây Đức, một tay chống cộng quá khích.

Từng giao thiệp với Gudrun, Felix nghĩ một điệp viên đẹp trai, tự tin và có một tương lai hứa hẹn có thể chinh phục nàng. Ở Tây Đức sau chiến tranh trai thiếu gái thừa nên không phải người phụ nữ nào cũng kiếm được một bạn trai vừa ý nên - theo Felix - nếu chọn đúng mỗi thí cá phải cắn câu thôi.

Sau nhiều lựa lọc tôi chọn Herbert Sohler, bí danh Astor. Herbert nguyên là đảng viên Quốc xã, phi công và từng ở trong ban tham mưu của thống chế Kesselring. Mặt trận vỡ, anh bị Nga xô viết cầm tù và gia nhập đảng cộng sản trong tù. Sau chiến tranh Đông Đức không thể dùng Astor vì chính sách lý lịch nên khi tôi đề nghị sang Tây Đức làm công tác Romeo anh nhận lời ngay.

Lúc này Tây Đức chuẩn bị tái vũ trang nên cần cựu sĩ quan kinh nghiệm. Mặt khác sau cuộc nổi dậy 1953 tại Đông Đức bị Nga xô đàn áp một số người bỏ Đông Đức chạy sang Tây Đức nên rất tiện cho việc cài Astor trong làn sóng người bất mãn.

Tại Bonn, Astor làm việc cho một công ti bán nhà cửa, và vào hội chơi máy bay tài tử tại Hangelar, trong hội có nhiều viên chức chính phủ. Chẳng bao lâu Astor làm quen được với một nữ thư ký quan trọng, sau này mang bí danh là Gudrun. Gudrun mê Sohler và nàng thư ký “không còn cô đơn” không tiết gì với người tình những gì nàng biết trong văn phòng. Sau một thời gian Astor biết Gudrun có khuynh hướng phục Nga xô và không ưa Đông Đức mà nàng xem như là một chư hầu của Liên bang Xô viết. Astor đề nghị để hẳn đóng vai một sĩ quan Liên xô để tuyển mộ Gudrun. Tôi sắp xếp công tác tuyển mộ Gudrun tại một vùng nghỉ hè trong rặng núi Alpes thuộc Thụy Sĩ. Tôi chọn vùng đất trung lập vì nếu Gudrun có ý gì khác chúng tôi có đường rút lui. Cuộc tuyển mộ diễn ra nhẹ nhàng. Tôi có cảm tưởng Gudrun đã biết Astor là gì rồi. Qua kinh nghiệm này tôi thấy các nàng Juliets thường trực giác bề của mình làm gì nhưng một phần bán tin bán nghi, phần sợ thối mất bò cho nên im luôn. Điều này giúp tôi chuẩn bị đường tẩu thoát cho mọi điệp vụ “nam nhân kế” về sau.

Điệp Vụ Astor-Gudrun không kéo dài lâu vì Sohler đau phổi được rút về Đông Đức chữa bệnh và chết tại đó. Nàng Gudrun u sầu nhưng không chịu tiếp tục công tác với một tình nhân nào khác. Tôi không “bắt bí” nàng vì sợ đẩy vào chân tường nàng sẽ tố cáo với phản gián Tây Đức và vô hiệu hóa những gì tôi được biết qua nàng. Những gì Gudrun tiết lộ đủ cho chúng tôi tung chiến dịch nói xấu Globke buộc ông ta từ chức vào năm 1963. Gudrun đã giúp tôi hạ một địch thủ chính trị chống Đông Đức quá khích, và làm cho dư luận Tây phương chú ý đến các thành phần Quốc Xã trong bộ máy chính quyền Tây Đức.

Các điệp vụ “nam nhân kế” thành công, nhưng tôi biết trước sau cũng bị bẻ vài vụ. Năm 1979 là năm xấu nhất. Năm đó Ingrid Garbe, thư ký trong phái bộ Tây Đức của NATO bị bắt. Báo chí xem Garbe là con cá lớn. Nhưng đối với tôi mất Garbe ổng thật nhưng tôi còn có hàng chục nàng Juliets khác.

Loạt bắt bớ tại Tây Đức làm một số Juliets gián điệp của tôi bỏ trốn qua Đông Đức. Vụ ồn ào nhất là Ursel Lorenzen làm việc trong Ban Văn Thư của NATO. Tại Đông Berlin, Lorenzen xuất hiện trên truyền hình cho biết cô sẽ nói hết những điều cô biết về NATO. Và quả cô biết nhiều sau 12 năm làm việc tại đó, nhất là cách thức các nhà lãnh đạo NATO tổng hợp các tin tức tình báo về chính trị và quân sự để lượng định tình hình quan hệ Đông Tây. Sau cô Lorenzen là bà Imelda Verrept, người Bỉ làm việc tại NATO. Cũng trong năm 1979 một gián điệp khác của tôi làm việc trong Ban Tham mưu đảng Dân chủ Thiên chúa Tây Đức (Christian Democratic Party - CDP) cô Ursula Holfs và chồng bị bắt. Một tuần lễ sau hai thư ký tình báo khác là cô Inge Goliath và Christel Broszey chạy trốn. Goliath là thư ký riêng của ông Werner Marx người cầm đầu ban nghiên cứu chiến lược của đảng CDP, và Broszey là thư ký của chủ tịch đảng CDP. Cô Broszey được lệnh của tôi bỏ trốn trước khi quá muộn và cô đã sắp xếp cho báo chí chụp hình lúc cô từ biệt chủ sự của mình. Tờ báo Tây Đức Bild-Zeitung đăng tin cô Broszey bỏ trốn với tấm hình cô đang vẫy tay chào chủ tịch đảng CDP Kurt Biedenkopf với dòng chữ: “Tôi đi làm tóc, ngày mai gặp ông.” Cô Broszey làm việc với 3 vị chủ tịch đảng CDP là một trong 5 nữ thư ký nổi tiếng đánh máy và viết tốc ký nhanh và được mệnh danh là một “siêu thư ký.” Một tuần sau cô Helga Rodiger thư ký ông Manfred Lahnstein một viên chức cao cấp tại bộ Tài chính Tây Đức bỏ trốn. Cô Rogiger vốn là thư ký của người tiền nhiệm ông Lahnstein và từng được một Romeo của tôi chinh phục. Romeo này được rút về vì lý do an ninh và tôi thay bằng một Romeo khác, mang tên giả Robert Kresse, bí danh Gert. Gert thành công chinh phục cô Rodiger và sau này trở thành một cặp vợ chồng xứng đôi vừa lứa. Sau khi cô Helga Rogiger chạy qua Đông Đức tôi rút Gert về. Cặp trai tài gái sắc này thành hôn trong một buổi lễ trang trọng tại thành phố miền núi thơ mộng Wernigerode.

Những vụ bỏ chạy từ Tây sang Đông, xuất hiện công khai, họp báo, truyền hình có tác dụng lớn về mặt tuyên truyền cho phía xã hội chủ nghĩa nhất là khi dân chúng có dịp là chạy sang Tây phương ít ai chạy sang khối cộng sản, nhưng đối với ngành tình báo chúng tôi chẳng có gì để mừng. Chúng tôi cần tin tình báo, không cần các buổi họp báo ồn ào trong chốc lát.

Các vụ bỏ trốn đều theo lệnh của tôi. Đường tẩu thoát được sắp xếp trước. Thường các cô bay đến một nước nhỏ ít bị chú ý như Bỉ, Hòa Lan hay Thụy Sĩ, từ đó các cô đến biên giới Đông Đức, trình hộ chiếu Tây Đức nhưng chỉ có cái bìa, lật bên trong chẳng có trang giấy nào. Công an biên phòng hiểu ý thông báo sĩ quan tại chỗ. Viên sĩ quan công an kiêm tình báo giả vờ mời cô vào một phòng khác. Từ đó hẳn liên lạc với tôi để nhận chỉ thị.

Sau những vụ bắt bớ và đào tẩu của hàng loạt nữ điệp viên trong năm 1979, giám đốc phân gián Tây Đức Gunther Nolaau mất chức. Tiến sĩ Richard Meier thay, và ông ta là một tay tình báo cừ khôi. Ông Meier gây nhiều trở ngại cho tôi. Ông cho điều tra tất cả các nữ thư ký làm việc tại các cơ sở quan trọng từ cha mẹ, anh em đến quan hệ vợ chồng và nhất là các giao du

thân mật. Đồng thời ông kiểm soát gắt gao thủ tục xin tị nạn nhất là đối với nam du khách trong lớp tuổi 25-45. Lúc đầu tôi không chú ý nhưng sau này được biết thêm rằng tình báo Tây Đức phân biệt người Tây và Đông Đức qua lối húi tóc và nhờ đó phát giác được nhiều trường hợp man khai. Bộ Nội vụ Tây Đức còn tung đòn chiến tranh tâm lý ban hành thông cáo ân xá cho cô nào lỡ lỗi làm làm việc cho địch. Từ năm 1979 đến 1982 ít nhất 30 điệp báo viên của tôi bị bắt và tôi phải rút về ít nhất 90 điệp viên. Nhưng cũng may, ông Richard Meier có thể đã gây nhiều tổn thất cho chúng tôi hơn nếu đồng thời với công tác phản gián ông không ồn ào với báo chí để tôi sớm biết phương pháp của ông ta.

Tôi không thể chấm dứt chuyện điệp vụ Romeo mà không kể chuyện nàng ” Juliet” Margarete. Romeo tên là Roland G. làm phản gián như chuyện trên màn ảnh. Nguyên giám đốc một rạp trình diễn nhỏ được ưa thích tại Annaberg trong vùng núi Erzgebirge, Đông Đức, Roland G. nổi tiếng qua vai Faust trong một vở tuồng của Goethe. Roland G. thông minh, đẹp trai có biệt tài trình diễn và hóa trang là một Romeo lý tưởng. Năm 1961 sau khi được tuyển mộ tôi gửi Roland G. đi Bonn với công tác chinh phục cô Margarete, một thông ngôn quan trọng tại Bộ chỉ huy tối cao đồng minh của Liên phòng NATO đóng ở Fontainebleau gần Paris. Margarete, một tín đồ Thiên chúa giáo ngoan đạo, độc thân, rất kén chọn trong giao du. Ba điệp viên tôi gửi sang tán Margarete trước đều thất bại. Ronald G. đóng vai nhà báo Đan Mạch Kai Peterson, hào phóng, nịnh đầm đúng cách đã chinh phục được quả tim của Margarete. Ngay đêm làm tình đầu tiên với Margarete sau một buổi xem hát, Roland G. khai thác tình cảm đang bùng nổ của Margarete than số phận của tiểu quốc Đan Mạch. Ở trong NATO mà chẳng ai đoái hoài, thiếu tin tức nên Roland G. - tự khai là một sĩ quan tình báo Đan Mạch -- rất cần tin của NATO. Margarete mắc mưu hứa sẽ cung cấp tin cho chàng. Lấy cớ hành nghề Roland G. thường đến Paris, gặp Margarete trong một khách sạn nhỏ để lấy tin, đặc biệt các bản báo cáo giá trị về kết quả thao diễn quân sự của NATO rất cần thiết cho khối Warsaw trong các chuẩn bị quân sự. Liên bang Xô viết còn nhờ tôi - qua Margarete - khai thác các tin tối mật như kế hoạch tấn công bằng vũ khí nguyên tử và tọa độ các căn cứ quân sự của NATO. Về tọa độ tôi không làm vừa lòng Mạc Tư Khoa vì Ngũ Giác Đài không cung cấp các dữ kiện này cho Tây Đức.

Thời gian qua Margarete cảm thấy bất an. Giáng sinh năm 1962 nhân dịp đi nghỉ tại vùng Arosa, Thụy Sĩ, Margarete nói với Roland G. nàng không thể tiếp tục cung cấp tin cho chàng cũng như tiếp tục chung đụng nếu nàng không xung tội và chàng không có một dự tính thành hôn với nhau.

Thật nhứt đầu cho Roland G. Làm sao để nàng xung tội mà không lộ bí mật dù chúng tôi biết linh mục Thiên chúa giáo xem những điều con chiên tiết lộ là chuyện “chết mang đi” thôi? Làm kế hoãn binh, Roland G. hứa sẽ kiếm một linh mục Đan Mạch để nàng xung tội. Sau khi bàn với tôi, chúng tôi chọn một sĩ quan tình báo có khả năng, học vội vàng tiếng Đan Mạch và thủ tục xung tội để nhận sự xung tội của Margarete tại một nhà thờ nhỏ ở vùng quê. Margarete trút được tâm sự cánh cánh bên lòng trong khi vị linh mục giả của tôi không quên tỏ ra thông cảm và cho nàng biết việc tiết lộ tin của NATO để giúp Đan Mạch không trái ý Chúa. Lễ cưới “lèo” giữa Margarete và Roland G. cũng được một nhân viên tình báo giả

tuyên úy quân đội chủ lễ. Trong suốt thời gian này bộ tham mưu của tôi lo sốt vó tưởng chừng không tránh được đổ vỡ.

Nhưng mọi việc êm xuôi. Kinh nghiệm này cho tôi một kết luận. Trong nghề tình báo những việc tưởng rất đơn giản thường bị thất bại và trái lại việc tưởng không sao làm được lại làm được. Có anh hùng là nhờ vậy. Hôm nay nhớ lại chuyện cũ tôi tự hỏi có nên hối hận bày trò như vậy không. Tôi thành thật trả lời: Không.

Nhưng Tây Phương không đồng ý với tôi, tố cáo tôi hiểm ác và thiếu đạo đức. Nhưng Tây cũng như Đông, chừng nào các khối thế lực còn muốn moi tin lẫn nhau thì vẫn còn những chàng Romeos tìm đến các nàng Juliets nhẹ dạ. Nghĩ cho cùng tôi là một Giám đốc phản gián chứ đâu phải là hội trưởng một Hội giải quyết tâm tình.

TÌNH BÁO VÀ PHẢN TÌNH BÁO

Chiến tranh lạnh chấm dứt, Liên bang Xô viết thua, Hoa Kỳ thắng. Thế giới kết luận Liên bang Xô viết quá tồi, thua là phải. Nhưng trong 40 năm tranh chấp Đông-Tây, Hoa Kỳ và thế giới không cho Liên bang Xô viết tồi như vậy. Trái lại Tây phương rất cảnh giác khả năng tình báo và quân sự của Liên bang Xô viết.

Trước và trong thời gian Thế chiến hai Liên bang Xô viết tổ chức rất thành công hệ thống gián điệp tại Tây phương qua đảng cộng sản Đức, Anh, Hoa Kỳ, và qua giới khoa học gia và trí thức Tây phương. Nhờ các khoa học gia lên cung cấp hiểu biết khoa học Liên bang Xô viết mới kịp thời chế tạo được vũ khí nguyên tử.

Nhưng vào thập niên 1970 và 80 KGB khó tuyển mộ gián điệp nếu không dùng tiền. Aldrich Ames của CIA là một trường hợp điển hình. Ames phản quốc vì tiền.

Khác biệt chính giữa Đông và Tây về tình báo là, trong khi khối cộng xem tình báo là một ngành cao quý bảo vệ chế độ và chủ thuyết thì Tây phương xem tình báo là một nghề, một công việc như mọi công việc khác. Làm tình báo đối với chúng tôi là nhiệm vụ của một người lính với cấp bậc rõ ràng (thí dụ tổng trưởng Nội vụ là tướng 4 sao bất kể kinh nghiệm quân sự) mặc dù chúng tôi ít khi mặc quân phục, trong khi tại Tây phương chức vụ của người làm tình báo được tính theo thâm niên hành chánh và công việc họ làm bị ràng buộc bởi Hiến Pháp và sự dòm ngó của Quốc hội. Ngành tình báo của chúng tôi không bị ràng buộc bởi bất cứ ai ngoại trừ Chính trị bộ đảng hay nói cách khác là Tổng bí thư nên tình báo “xã hội chủ nghĩa” thường lạm dụng quyền hành coi thường sinh mạng của dân. Trong thời Stalin, Beria, giám đốc KGB và phụ tá Viktor Abakumov có thể bắt giết bất cứ ai theo lệnh của Stalin, và thường lạm dụng bắt gái đẹp ngoài phố về hiếp trong văn phòng. Sau năm 1953 Beria và Abakumov đều bị Khruchev xử bắn.

Seigei Kruglov thay thế Beria một thời gian trước khi nhường chỗ cho Ivan Serov. Serov là giám đốc KGB đầu tiên đã để cho ngành tình báo Đông Đức độc lập đối với Mạc Tư Khoa và qua Serov tôi biết các tướng tình báo Liên bang Xô viết đều không ít thì nhiều nhúng tay vào vụ đàn áp của Stalin.

Aleksandr Shelepin thay Serov và bị cách chức vì bị nghi muốn lật Khruchev. Valdimir Semichatsny thay Shelepin và tiếp tục làm giám đốc KGB sau khi Khruchev bị Leonid Brezhnev hạ bệ năm 1964. Semichatsny rất ghét văn nghệ sĩ và là người tổ chức phong trào chống cuốn Doctor Zhivago và tác giả là nhà văn Boris Pasternak.

KGB có khuynh hướng ám sát người chống đối chế độ. Cách thường dùng là lén cho một liều thuốc “knockout,” đương sự sẽ té chết đầu đó như một tai nạn. Sau khi Stalin chết KGB vẫn còn duy trì một bộ phận chuyên giết kẻ địch dùng đạn tẩm thuốc, hoặc chất kịch độc phá hủy thần kinh và chất độc chạm vào da bôi vào nắm cửa. Cá nhân tôi biết những vụ giết người này qua báo chí Tây phương. Nội bộ của ngành phản gián Đông Đức không bàn đến những vụ này một cách công khai. Đó là một hình thức đồng lõa.

Năm 1967 sau khi Yuri Andropov lên làm giám đốc, KGB đổi phương pháp. Andropov biết sự yếu kém của hệ thống cộng sản và không tin đàn áp và giết người là cách tốt nhất để cứu chế độ. Andropov cho việc can thiệp của Liên bang Xô viết ở Hung Gia Lợi năm 1956 và Tiệp Khắc năm 1968 là một dấu hiệu sợ hãi hơn là tự tin, và ông định tâm không để những vụ như vậy tái diễn.

Tôi gặp Andropov lần đầu năm 1968 tại Đông Đức tại một biệt thự dành riêng cho bộ Nội vụ. Trong buổi tiệc khoản đãi, sau khi Bộ trưởng Nội vụ Đông Đức Mielke hùng hồn phát biểu, khen ngợi Liên bang Xô viết nhanh chóng hành động chặn đứng sự đổ vỡ của hệ thống xã hội chủ nghĩa ai cũng chờ đợi Andropov tán dương cuộc tấn công “thần thánh” còn nóng hổi của Hồng quân Liên xô vào Tiệp Khắc.

Nhưng, một cách từ tốn và quả quyết, Andropov nói: “Câu chuyện không phải chỉ có vậy. Chúng ta có hai lựa chọn. Thứ nhất là can thiệp quân sự chấp nhận dư luận bất lợi, thứ hai là để cho Tiệp Khắc chọn con đường riêng của mình với những hậu quả chưa biết thể nào đối với Đông Âu. Chúng ta đã chọn lựa và chưa hẳn đó là sự lựa chọn tốt nhất.” Cử tọa im phăng phắc. Andropov tiếp: “Chúng ta cần tìm hiểu tại sao có cuộc nổi dậy tại Tiệp Khắc. Chính quyền mới tại Tiệp sẽ còn nhiều khó khăn. Là những người dân chủ xã hội (Social Democrats) chúng ta phải quan hệ với chính quyền mới như thế nào và xem kỹ chính quyền đó đại diện gì đối với thế giới chung quanh.”

Chúng tôi hiểu ý Andropov chỉ trích đảng cộng sản Tiệp Khắc (và gián tiếp chỉ trích hệ thống Xô viết) không nắm được lòng dân và trong khi lúng túng đã dùng sức mạnh. Ông phát biểu như một Tổng bí thư (chức vụ của ông từ 1982 đến 1984) hơn là một giám đốc tình báo. Sau này Gorbachev dùng tư tưởng cởi mở của Andropov để cứu đế quốc Liên xô qua hai chương trình cải tổ chính trị (glasnost) và kinh tế (perestroika). Tôi tin rằng nếu sống thêm mười năm nữa Andropov là người sẽ làm cuộc cải tổ chế độ nhưng không làm với cung cách của Gorbachev. Andropov là một người thận trọng. Và ông hiểu qui luật của chính trị.

Năm 1978 nhà tranh đấu cho quyền di dân của người Nga gốc Do Thái Anatoly Sharansky tại Liên bang Xô viết đang là một cái gai trước mắt của Mạc tư Khoa. Tôi đề nghị dùng Sharansky đổi Gunter Guillaume, gián điệp cỡ lớn đang bị giam tại Tây Đức. Tôi nghĩ nếu Liên bang Xô viết có thể cho nhà văn Solzhenitsyn lên máy bay đi Đức, đưa khoa học gia

Sakharov về giam lỏng tại thành phố Gorky cho bớt ồn ào, tại sao không thể cho Sharansky đi cho rảnh mắt.

Nhưng Andropov không nhìn vấn đề đơn giản như vậy. Ông ta nói với tôi: “Đồng chí Wolf. Anh biết Sharansky là một điệp viên (Andropov nghi Sharansky làm việc cho CIA), nhưng quan trọng hơn anh ta đại diện cho quyền lợi của thiểu số người Nga gốc Do Thái. Nếu cho anh ta đi các thiểu số khác như người Nga gốc Đức ở Volga, người Tartars ở Crimean, người Kalmucks hay người Chechens chịu ngồi yên sao?”

Liên bang Xô viết mặc dù nói cứng trong bụng rất ngại các chương trình vũ trang của Hoa Kỳ. Liên bang Xô viết biết không đủ sức chạy đua. Thỏa ước tài giảm vũ khí chiến lược SALT II ký được giữa Nixon và Brezhnev do sự lo sợ của Liên bang Xô viết. Năm 1976 khi Jimmy Carter đắc cử tổng thống, tình báo Liên bang Xô viết chưa biết gì nhiều về tư tưởng quân sự của Carter ngoại trừ biết ông xuất thân một nông dân trồng đậu phụng sau làm thống đốc bang Georgia. Khi Carter công bố ngân sách quốc phòng lên 157 tỉ mỹ kim để trang bị thêm hỏa tiễn MX và Trident, hỏa tiễn Cruise, tàu ngầm nguyên tử và 11.000 quân trừ bị, Mạc Tư Khoa lên cơn sốt.

Tây Đức cũng sợ chính sách mới của Hoa Kỳ sẽ dẫn tới chiến tranh giữa Tây và Đông Đức. Phong trào “Ostpolitik” chủ trương xích lại gần giữa Tây và Đông Đức phát sinh đầu thập niên 1970 lại có điều kiện bùng dậy.

Và sau khi Honecker Tổng bí thư đảng cộng sản Đông Đức bày tỏ cảm tình với “Ostpolitik”, Mạc Tư Khoa bắt đầu lo ngại. Sự rạn nứt giữa Đông Đức và Liên bang Xô viết bắt đầu.

CHUYỆN CUBA CHƯA ĐƯỢC KỂ

Năm 1965 tình cờ tôi đặt chân đến New York, thủ đô chính trị quan trọng bậc nhì của Hoa Kỳ, quốc gia thù nghịch hàng đầu của khối cộng sản. Trước đây tôi chỉ biết thành phố New York qua thơ của Brecht, nhạc của Kurt Weill và phim cao bồi của Peter Lorre.

Fidel Castro, lật đổ Batista 4 năm trước, mời tôi sang Cuba cố vấn cho ông ta tổ chức tình báo. Sau này Cuba không thua ai về tình báo kể cả Tiệp Khắc, nhưng hồi đó Cuba chưa biết gì.

Tôi phục Cuba, một đảo quốc nhỏ bé nằm cách Hoa Kỳ chưa tới 150 cây số, đơn thân độc mã theo xã hội chủ nghĩa nên rất nôn nóng lên đường. Đường bay tiện nhất là từ Berlin đến Prague, từ đó bay đi Havana, dùng lấy xăng một lần ở Scotland hay Canada. Nhưng bộ trưởng nội vụ Mielke không muốn tôi dùng chân ở một nước thuộc khối NATO, nên tôi chọn đường Berlin Mạc Tư Khoa, từ đó dùng máy bay dân sự của hãng Aeroflot bay không ngừng đến Cuba.

Tôi đến Mạc Tư Khoa sáng sớm ngày 6-1-65 giữa mùa đông băng giá. Sau khi được viên chức KGB giới thiệu cơ sở của họ ở Cuba, chiều hôm đó tôi tiếp tục lên đường. Cô Maria, chiêu đãi viên, không nói cũng biết là nhân viên an ninh, đặc biệt chiêu đãi đoàn 3 người

chúng tôi. Ngoài chúng tôi hành khách gồm toàn sĩ quan hải quân và chuyên viên quân sự của Liên bang Xô viết và hai nhân viên ngoại giao Trung quốc.

Bay suốt đêm, sáng hôm sau trời mờ sáng tôi thấy bờ biển Canada ngoài khung cửa sổ. Tôi ước tính chừng vài giờ nữa chúng tôi đến Havana. Bỗng máy bay đột ngột giảm cao độ. Tôi chưa kịp tìm hiểu lý do chiếc máy bay dân sự khổng lồ AN-124 đã đáp mạnh xuống phi đạo. Qua cửa sổ tôi thấy nhiều xe cảnh sát hụ còi trực chỉ chạy đến. Cùng lúc đó tôi thoáng thấy tấm biển “Welcome to John F, Kennedy Airport”.

New York! Tránh vỏ dưa gặp vỏ dừa. Tại sao tôi lại đến đây? Trí óc tôi làm việc như một cái máy. Nếu nhận diện được tôi Hoa Kỳ có đủ bằng chứng đưa tôi ra tòa không? Tôi đang tổ chức một điệp vụ chống Hoa Kỳ bằng cách huấn luyện người rồi làm giấy tờ giả đưa vào Mỹ, nhưng chắc gì CIA biết.

Tuy lo tôi cũng không nhịn được cười khi thấy hai nhà ngoại giao Trung quốc đang ngòm ngòm nhai nuốt các tài liệu mang theo. Định tìm cách gì giúp các đồng chí Trung quốc tôi thôi vì biết đâu sau này bị tố cáo lấy tài liệu mật của nước bạn. Lúc này nhiệt độ trong máy bay xuống thấp, chúng tôi không ai trang bị áo quần chống lạnh vì Cuba khí trời ẩm áp nên lạnh tái người.

Mấy giờ sau lãnh sự Liên bang Xô viết mang trà nóng đến và cho biết do sơ suất của phi hành đoàn máy bay thiếu xăng phải đáp xuống New York và Mạc Tư Khoa đang dàn xếp với Hoa Thịnh Đốn. Từ ngày có vụ khủng hoảng hòa tiền nguyên tử năm 1961 Hoa Kỳ không cho máy bay hàng không dân sự Liên bang Xô viết trên đường đi Cuba đáp xuống Hoa Kỳ.

Mười tám giờ nằm trên sân chờ, cuối cùng Maria rỉ tai tôi rằng Hoa Kỳ sẽ tiếp tế nhiên liệu và cho máy bay cất cánh với điều kiện để cho hai sĩ quan không quân Hoa Kỳ tháp tùng. Có lẽ Hoa Kỳ muốn nhận diện hành khách.

Đến Havana chúng tôi được đưa đến một biệt thự xinh đẹp của một nhà triệu phú thời Batista. Vườn cảnh đầy hoa nhiệt đới màu sắc rực rỡ, bầu trời xanh ngắt không một gợn mây khung cảnh thật nên thơ.

Hôm sau chúng tôi được đưa đi xem bãi biển Colorado nơi 9 năm trước Fidel Castro và 82 đồng chí dùng tàu Gramma từ Mexico đổ bộ lên Cuba chiến thắng Batista và xem Vịnh Con Heo nơi CIA tổ chức cuộc đổ bộ lật đổ Castro bất thành.

Điều làm tôi ngạc nhiên là sự hiện diện của KGB tại đây được che đậy kỹ. Ramiro Valdez, bộ trưởng nội vụ Cuba tỏ ra lúng túng mỗi lần tôi hỏi về KGB. Thậm chí Valdez không muốn tôi đến tòa đại sứ Liên bang Xô viết. Tôi phải dùng phương pháp bỏ rơi mấy người bảo vệ để đi vì tôi không muốn làm mất lòng những ông bạn Cuba tốt bụng.

Thời gian ở Havana nhằm sinh nhật tôi, người Cuba định tổ chức lớn để có dịp ăn nhậu. Tôi sợ lối đọc diễn văn chúc mừng dài dằng dặc và ăn nhậu ca hát đến sáng của người Cuba nên lấy cớ bận việc tối quan trọng không đến. Về phòng chúng tôi mở rượu uống chút ít rồi đi

ngủ. Hôm sau Umberto, sĩ quan bảo vệ hỏi tôi hôm qua uống rượu mừng gì quan trọng đến nỗi bỏ cả sinh nhật. Nổi máu tếu tôi bịa chuyện chúng tôi ăn mừng Đông Đức vừa phóng Sputnik và chúng tôi được thông báo qua một máy thu thanh tôi tân cực nhỏ có thể nằm gọn trong lòng bàn tay gọi là Gogofon.

Tôi dặn Umberto chớ hở môi cho ai. Nhưng hôm sau gặp tôi Valdez sẵn đón hỏi bên bản quốc có gì lạ không, ý muốn hỏi tôi về Sputnik. Tôi nói đi xa sao biết. Valdez buột mồm nói “gogofon” để làm gì. Tôi hiểu Umberto đã báo cáo với Valdez. Tôi đành thú thật gogofon là chuyện xạo chơi thôi. Từ đó trong giới an ninh Cuba Umberto có thêm biệt danh gogofon!

Giám đốc phản gián Cuba là Manuel Pineiro thuộc thành phần nông dân đã cùng lăn lộn với Fidel Castro trong những trận đánh thư hùng trước khi chiếm Havana. Pineiro tin tôi hơn tin người Nga. Trong thời gian 1973 sau khi Salvador Allende ở Chí Lợi (Chile) bị giết và các đảng viên cộng sản Chí Lợi bị tướng Pinochet truy nã, Honecker ra lệnh tôi tận tình giúp các người cộng sản Chí Lợi vì con gái ông ta có chồng Chí Lợi. Pineiro đã giúp chúng tôi vạch đường thoát cho các đảng viên cộng sản Chí Lợi và cho phép họ ẩn náu ở Cuba.

Raul Castro, em trai của Fidel Castro là người giỏi nhất trong các phụ tá của Castro. Raul trầm tĩnh, có tầm nhìn chiến lược, nắm vững thuyết Mác xít và lý thuyết quân sự. Raul không than phiền công khai về Liên bang Xô viết như Valdez và Pineiro vì hiểu hệ lụy của nó.

Có qua, có lại. Lấy cớ đáp lễ Fidel Castro thường đến viếng Berlin, chính yếu để giải trí. Castro có thể uống rượu, nhảy đầm suốt đêm, và thường mời các nữ sinh viên xinh đẹp Cuba đang học ở Đông Đức đến tham dự rồi mời về phòng riêng. Chúng tôi thuyết phục Fidel Castro ngủ sớm để giữ gìn sức khỏe nhưng thật ra để tránh tai tiếng. Có lần tôi được báo cáo Fidel Castro giả về phòng ngủ rồi leo tường đi chơi. Sau này mỗi lần Fidel Castro qua thăm chúng tôi cho các nữ công Đông Đức trong đoàn múa hát của chính phủ đến ca hát và phục vụ để tránh phiền phức.

Như đã nói tôi quan tâm đến Chí Lợi vì quan hệ gia đình của Honecker. Nhờ tin tình báo lấy của Tây Đức, tôi biết các tướng lãnh Chí Lợi, với sự bố trí của CIA, đang tính đảo chánh Allende. Nhưng Allende không tin cho rằng theo truyền thống, quân đội Chí Lợi không làm chính trị. Khi cuộc đảo chánh xảy ra, Carlos Altamirano Tổng Bí Thư đảng cộng sản Chí Lợi (lấy tên là đảng Xã Hội) và nhiều đảng viên cao cấp khác trốn vào tòa đại sứ Đông Đức. Lúc đó Đông Đức đã cắt đứt ngoại giao với chính phủ của tướng Pinochet nên tôi phải tìm cách đưa lén các nhân vật trên ra nước ngoài. Tôi phái một toán sĩ quan tình báo đặc biệt đến Chí Lợi nghiên cứu đường hàng không, đường biển qua cảng Valparaiso và đường bộ đi Argentina, và với sự giúp đỡ của Pineiro thực hiện một cuộc cứu thoát rất ngoạn mục qua ngả Argentina, từ đó đưa sang Cuba rồi Đông Đức. Sau vụ Allende, Fidel Castro biết sợ và trở nên dè dặt hơn. Các lãnh tụ Cuba không xuất hiện hay di chuyển tập thể như trước.

Nghĩ đến Cuba hôm nay là một chán chường, một hy vọng bị sụp đổ của người cộng sản Cuba. Năm 1985, tôi trở lại Cuba - 20 năm kể từ lần thăm viếng đầu tiên - để thấy tận mắt sự thiếu thốn lương thực trầm trọng, và đôi mắt âu lo thất vọng của người dân Cuba vì sống trong ảo tưởng quá lâu. Cuba cảm thấy bị đe dọa và bỏ quên. Một viên chức an ninh cao cấp

hỏi: “Nếu Hoa Kỳ đánh Cuba lúc này ai giúp chúng tôi?” Câu hỏi có lý vì Gorbachev đang xích lại gần Tây phương, hơn nữa Liên bang Xô viết đang sa lầy tại Afghanistan.

Tôi cũng có lý do riêng để thất vọng. Lý tưởng cộng sản tôi ôm ấp từ Mạc Tư Khoa trên đường về nước năm 1945 đang tan vỡ. Có một cách biệt lớn giữa ảo vọng của những người lãnh tụ cộng sản - trong đó có Fidel Castro - với đời sống cơ cực hằng ngày của dân chúng.

Gorbachev lên cầm quyền tại Liên bang Xô viết mang theo chút hy vọng và tôi nghĩ Cuba và Nicaragua sẽ được bảo đảm an ninh hơn. Nhưng tôi lầm. Gorbachev lên, Mạc Tư Khoa chấp nhận vùng ảnh hưởng của Hoa Kỳ ở Nam Mỹ kéo theo sự sụp đổ của Sandinista, và Cuba càng bị cô lập.

Tôi đến thăm Cuba lần cuối cùng mùa Xuân năm 1989. Lúc này tình hình Đông Đức cũng bi đát như Cuba. Đông Đức và Cuba không áp dụng glasnost và perestroika của Gorbachev. Tại Havana tôi bàng hoàng thấy dân chúng nổi đầu bất tận trước các cửa hàng gần như trống không và trước các tòa đại sứ các nước Tây phương không còn cấp số di dân. Tôi tự hỏi làm thế nào chính quyền của Castro có thể đứng vững. Nhưng trở về là Cuba vẫn còn đứng vững trong khi mấy tháng sau Đông Đức sụp đổ theo bức tường Bá Linh. Honecker, người từng giúp các đảng viên cộng sản Chí Lợi, lưu vong và qua đời tại đó ngày 26-5-1994 vì Mạc Tư Khoa không cho phép ông ta tị nạn chính trị.

Nhìn quanh tôi thấy lý tưởng xã hội đâu đâu cũng bị đánh bại. Nền dân chủ xã hội của Allende bị vùi trong một cuộc đảo chánh đầy máu. Hy vọng xây dựng một chế độ công bình tại Cuba biến thành một chế độ độc tài.

Bây giờ thấy Fidel Castro đang cố đổi mới chế độ từ bên trong mà không cần sự giúp đỡ của Mạc Tư Khoa, tôi nghĩ ông ta phải là người cô đơn nhất thế giới. Và tôi đồng ý với nhận xét của nhà văn Đức Gunter Grass khi ông viết: “Tôi vốn chống các chế độ giáo điều tại Cuba. Nhưng hôm nay thấy Cuba đi vào ngõ cụt mà không có một lựa chọn nào khác ngoài con đường giáo điều - vì không có một Batista - tôi phải đồng ý với Castro thôi.”

MÀN CUỐI

Năm 1980 Nghiệp Đoàn Đoàn Kết Ba Lan do Lech Walesa lãnh đạo ra đời, gây chấn động ở Đông Âu. Nhiều năm trước tình báo Đông Đức ghi nhận tình trạng căng thẳng do dân chúng bất mãn tại Ba Lan nhưng tình báo Ba Lan không phản ứng phòng ngừa như tôi khuyến cáo. Ba Lan không thích Đông Đức, và tình báo Ba Lan không hợp tác chặt chẽ với tình báo Đông Đức.

Khi Nghiệp Đoàn Đoàn Kết ra đời tôi theo dõi kỹ xem Tây phương toan tính gì trước cơ hội mới. Lúc này tình báo Ba Lan mới nhờ chúng tôi theo dõi hoạt động của người Ba Lan đối lập tại hải ngoại đặc biệt trong đài Âu Châu Tự Do và tờ báo Kultura ở Paris.

Trước khi Nghiệp Đoàn Đoàn Kết ra đời, tại Ba Lan cũng có những nhóm đối lập khác nhưng đa số chủ trương đối lập ôn hòa để duy trì ổn định kinh tế và xã hội. Nghiệp Đoàn Đoàn Kết

khác hẳn, chống đảng cộng sản Ba Lan trên mọi mặt và càng lúc càng hăng cho rằng đảng cộng sản Ba Lan không có khả năng phản ứng. Tháng 12 năm 1981, trước áp lực của Liên bang Xô viết tướng Jaruzelki thiết quân luật. Nhưng quân luật chỉ làm chậm tiến trình tan rã của chính quyền cộng sản Ba Lan, không ngăn nổi hiện tượng nước vỡ bờ.

Từ 1981 tôi có ý định xin nghỉ hưu. Tuy thỏa mãn về nghề nghiệp nhưng tôi không vui khi thấy tiến trình xích lại gần nhau giữa Đông và Tây Đức hoạch định bởi Bản Thỏa Ước Căn Bản năm 1972 (Basic Treaty of 1972) đậm chân tại chỗ vì áp lực của Liên bang Xô viết. Honecker chứng tỏ là một ông già chỉ biết bám vào quyền lực không dám phản ứng.

Thời gian này tôi lưu tâm đến một tác phẩm của em tôi - Koni, chết vì bệnh cancer - đang viết dở, viết về bốn người bạn, hư cấu thành ba, lấy tên là ” Bộ Ba” , The Troika. Koni theo cha tị nạn ở Mạc Tư Khoa lúc Hitler đang làm mưa làm gió, Lothar Wloch thuộc một gia đình Đức theo chủ nghĩa cộng sản, Victor và George Fisher hai thanh niên Mỹ. Bốn người cùng ở Mạc Tư Khoa và chơi thân với nhau, nhưng trong Chiến tranh lạnh mỗi người thuộc một phe khác nhau. Koni gia nhập Hồng quân; Lothar trở về Đức sau khi cha anh bị Stalin giết trong đợt thanh trừng, gia nhập không quân Đức đánh Stalin trả thù cha; Fischer về Mỹ trở thành một đại úy trong quân đội Hoa Kỳ.

Cuốn “The Troika” minh họa bộ ba Koni, Lothar và Fisher do hoàn cảnh xô đẩy, suy nghĩ khác nhau, đánh nhau trên trận địa, nhưng cuối cùng, sau Chiến tranh lạnh vẫn là ba người bạn chí thân như hồi còn niên thiếu.

Đầu năm 1983 một gián điệp tôi gài trong bộ chỉ huy NATO chuyển cho tôi một bản giải đoán tình hình mật của NATO về tương quan lực lượng giữa Đông và Tây. Bản giải đoán vạch ra sự yếu kém về quân sự và kinh tế của khối Xô viết rất chính xác. Nhưng tôi biết các nhà lãnh đạo của khối Xô viết không muốn cũng như không thể văn hồi tình trạng xuống dốc này. Đầu của họ đã thành “bê tông” cứng ngắc.

Bản giải đoán của NATO làm tôi thêm xuống tinh thần. Tôi chuyển lên bộ trưởng Nội vụ Mielke với tờ trình không che dấu sự thật nhưng cũng không dám quá bi quan có thể làm mất tinh thần ban lãnh đạo đảng. Tôi biết bản giải đoán tình hình sẽ được chuyển lên Chernenko, Tổng bí thư đảng cộng sản Liên bang Xô viết qua giám đốc KGB Chebrikov.

Lúc này quan hệ Liên bang Xô viết và Đông Đức nguội lạnh vì Honecker muốn xích lại gần Tây Đức nhưng Liên bang Xô viết nhất định cản. Mạc Tư Khoa không ngần ngại đe dọa Đông Đức. Trong một buổi họp tại Mạc Tư Khoa năm 1984 Chernenko cảnh cáo Honecker rằng, quan hệ Đông Tây Đức không được làm mất an ninh của Liên bang Xô viết. Chernenko nói tiếp: “Hãy thận trọng đừng để cho Đông Đức trở thành nạn nhân.”

Thời gian này tôi tiếp xúc với Hans Modrow, bí thư đảng cộng sản vùng Dresden, một nhân vật chủ trương cải tổ để tính toán xem có thể làm được gì trước khi tình hình trở nên vô vọng. Nhưng thành thật mà nói chúng tôi ở ngoài Trung ương đảng nên không có khả năng ảnh hưởng. Cả hai chúng tôi nói nhưng không có thể làm.

Chỉ còn một con đường nghỉ hưu. Lúc này tôi lại có vấn đề gia đình. Tôi bỏ người vợ thứ hai và cưới Andrea bất chấp sự phản đối của bộ trưởng bộ Nội vụ Mielke. Thật ra Mielke không quan tâm gì tôi bỏ ai lấy ai. Ông ta ngại bà vợ thứ hai của tôi vốn là một nhân viên của Bộ Nội vụ bất mãn hợp tác với tình báo Tây phương. Mielke có lý. Sau này vợ tôi liên hệ tình cảm với một thương gia tôi nghi là một gián điệp của Tây Đức. Nhưng nhờ Mielke ban phát cho bà nhiều quyền lợi bà ta vẫn trở về sống ở Đông Đức và không có dấu hiệu gì bà đã phản bội Đông Đức.

Năm 1986 Mielke cho phép tôi về hưu. Werner Grossman thay. Tôi được một tài xế, một thư ký riêng, một phòng làm việc tại bộ Nội vụ để cố vấn cho Mielke khi cần và một căn nhà ở Berlin. Căn nhà là đền bù sau gần 40 năm phục vụ, nhưng thư ký và tài xế thì để canh chừng tôi.

Lễ tiễn biệt chính thức đầy đủ nghi thức. Diễn văn, những lời ngợi khen và chúc tụng trống rỗng, và rượu. Buổi gặp gỡ riêng với nhân viên thân cận của tôi sau đó thân mật và cởi mở hơn. Khi được hỏi tôi nghĩ gì về Gorbachev tôi làm các phụ tá tôi liếc mắt nhìn nhau lo ngại khi tôi ca ngợi chính sách glasnost và perestroika.

Để xua đi những căng thẳng cá nhân không tránh được trong thời gian làm việc với nhau tôi đọc một bài thơ 4 câu tôi rất ưng ý của cha tôi nhan đề: “Xin tha thứ vì tôi chỉ là người” nguyên văn “Nếu tôi đã ghét nhiều. Và đã yêu nhiều không kèm chế. Xin tha thứ vì tôi chỉ là người. Tôi không là thánh”. (Bài thơ gốc tiếng Đức dịch ra tiếng Anh: Apologies for Being Human, “And if I hated too much. And loved too wild, too free. Forgive me for being human. Sainthood was not for me.”)

Nghỉ hưu, tôi và Andrea về quê dùng thì giờ hoàn tất cuốn The Troika. Càng đọc các ghi chép của Koni, càng xây dựng cuốn sách với nội dung gián tiếp phê bình chính sách Stalin, đề cao tình bạn chân thật mà ý thức hệ không làm tan vỡ nổi tôi cảm thấy bình an với chính mình. Trong không khí glasnost, dù Đông Đức chưa công khai áp dụng, tôi bạo dạn thêm một đoạn nói về cuộc khủng bố trắng của Stalin, một đề tài chưa bao giờ được nói tới tại Đông Đức.

Tháng 3 năm 1989 cuốn The Troika được phát hành cùng một lúc tại Đông và Tây Đức. Trong một cuộc phỏng vấn truyền hình một phóng viên Tây phương hỏi tôi nghĩ gì về Gorbachev. Tôi trả lời: ” Tôi rất vui mừng và sung sướng vì đã có ông ta.” Hôm sau Honecker điện thoại cho hay Chính trị bộ đảng cộng sản Đông Đức không bằng lòng lời tuyên bố của tôi và ra lệnh tôi không được trả lời phỏng vấn của các đài Tây phương nữa.

Mùa hè 1989 Hung gia Lợi bỏ ngõ biên giới. Dân Đông Đức ồ ạt chạy qua Hung để sang Tây Đức. Tôi nghĩ Honecker có thể ra lệnh ngăn chặn và sẽ có đổ máu. Tôi liên lạc với Egon Krenz một Ủy viên Chính trị bộ có ảnh hưởng và tôi có nhiều cảm tình, khẩn thiết yêu cầu ông can thiệp với Chính trị bộ dừng hành động nông nổi. Krenz nói với tôi: “Tôi biết, tôi biết. Nhưng anh cũng biết Chính trị bộ làm việc thế nào chứ? Nếu tôi nói một lời nghịch ý ngày hôm sau tôi mất chức. Đừng quên Gorbachev chỉ trở thành Tổng bí thư vì đã chịu khó cam

miệng dưới ba triệu Tổng bí thư.” Quả nhiên ngày 18-10-89 Honecker mất chức, Krenz lên thay.

Ngày 4-11 do Johanna Schall, cháu nội của nhà văn Bertolt Brecht thuyết phục, tôi tham gia cuộc biểu tình tại công trường Alexander cùng với các nhà văn Christa Wolf, Stephan Heyn, Heiner Muller và các lãnh tụ chính trị của New Forum mới thành lập đòi chấm dứt chế độ độc đảng và thiết lập nền chính trị đa nguyên.

Khi tôi phát biểu nhiều người trong đoàn biểu tình huýt gió đòi đuổi tôi xuống. Họ không muốn nghe một tay tổ tình báo của cái chế độ họ đang chán ghét dạy họ đấu tranh cho dân chủ. Tôi học được bài học: tôi không thể cắt bỏ quá khứ một cách dễ dàng dù tôi chân thành muốn vậy. Dù sao tôi đã nói được điều tôi muốn nói. Đêm đó tôi ngủ ngon giấc. Ngày 28-11-89 thủ tướng Tây Đức Helmut Kohl công bố chương trình 10 điểm từng bước một tiến tới thống nhất nước Đức vào ngày 3 tháng 10 năm 1990. Các biến chuyển tới dồn dập. Ngày 4-12 một cuộc biểu tình lớn chưa từng thấy diễn ra tại Berlin. Ngày 9-12 biên giới giữa Đông và Tây Đức bỏ ngõ. Ngày 15-1-90 đoàn biểu tình đập phá tổng hành dinh của bộ Nội vụ Đông Đức phanh phui các tài liệu tình báo. Không ngày nào Mielke và tôi không bị báo chí nêu đích danh tố khổ.

Tôi biết sau ngày thống nhất tôi sẽ bị bắt. Tôi không muốn rời bỏ quê hương một lần nữa nhưng tôi phải tạm lánh con báo táp trước mắt. Mặt khác, tôi hy vọng ở nước ngoài tôi có thể vận động cứu các nhân viên cũ của tôi, tất cả đã rời chức vụ từ tháng 4-1990.

Trước khi ra đi tôi viết thư gửi tổng thống Tây Đức Richard von Weizsacker, bộ trưởng ngoại giao Hans-Dietrich và thủ tướng Willy Brandt trình bày rằng tôi không định chạy trốn, tôi sẽ trở về khi cơn xúc động lắng xuống, bảo đảm tôi sẽ được xử theo đúng thủ tục pháp lý.

Trong thư gửi thủ tướng Willy Brandt tôi viết:

“Đây là quê hương của bố mẹ tôi. Bố mẹ tôi đã đổ mồ hôi làm việc xây dựng sự nghiệp trên mảnh đất này sau một thời gian dài lưu vong. Bố mẹ tôi và em tôi đều được chôn tại Berlin. Nước Đức đối với tôi là tổ ấm, là sức mạnh, là tình yêu, là nơi tôi đã làm việc, thành công cũng như thất bại.”

Tôi tiếp xúc với Anatoly Novikov, giám đốc KGB ở Berlin thăm dò khả năng lánh nạn tại Mạc Tư Khoa trường hợp cần thiết. Novikov đùa bảo tôi “chỉ cần đánh đổi tin tức tình báo để lấy an toàn cần gì phải chạy đi đâu!” Sau đó ông ta tiết lộ Mạc Tư Khoa rất hài lòng thấy tôi đã khước từ một đề nghị đổi chác như vậy. Mấy hôm sau Novikov cho tôi một số điện thoại bảo khi nào cần thì gọi, tôi và Andrea sẽ được đưa đi Mạc Tư Khoa một cách kín đáo.

Nhưng Mạc Tư Khoa là chỗ cuối cùng. Tôi muốn tạm lánh đâu đó ở Âu châu chờ xem. Ngày 26-9-90, sáu ngày trước khi thống nhất, Andrea và tôi chạy qua nước Áo. Trong hai tháng rông rã tôi và Andrea di chuyển từ tỉnh này sang tỉnh khác không ai để ý. Nhưng dần dần không khí trở nên ngột ngạt vì báo chí bêu rếu khả năng tình báo của Áo để cho một tay tình báo khét tiếng trong nước mà không hay biết.

Cùng đường tôi liên lạc với Do Thái, tôi viết thư cho Gorbachev. Không ai trả lời. Sau cùng tháng 11-90 tôi gọi KGB. Nhân viên KGB lái xe đưa vợ chồng tôi qua Hung Gia Lợi, từ đó bay đi Ukraine rồi về Mạc Tư Khoa.

Như đã thuật, KGB đón tiếp vợ chồng tôi nghiêm túc nhưng không giúp gì hơn ngoài vấn đề an ninh. Mạc Tư Khoa không muốn vì tôi làm mất lòng Tây Đức. Tôi được yên thân cho đến tháng 8-91 khi cuộc đảo chánh bất thành chống Gorbachev xảy ra. Giám đốc KGB Kryuchkov bị bắt, KGB phân hóa trầm trọng. Không ai có khả năng che chở chúng tôi nữa.

Bí lỗi, tôi và Andrea quyết định về nước sau khi nấn ná ở Áo để liên lạc với luật sư. Tôi trở về qua trạm biên giới Bayerisch Gmain. Công an chờ tôi, xem giấy tờ, khám hành lý xem có vũ khí không rồi mời tôi lên một chiếc Mercedes có kính chống đạn. Khởi biên giới Áo không xa xe tạm ngừng ở một khách sạn nhỏ bên đường để công tố viên đọc lệnh bắt tôi và sau đó đưa về tổng giam tại Karlsruhe. Mười ngày sau tôi được tại ngoại sau khi đóng tiền thế chân đầy đủ.

Thời gian công tố chuẩn bị hồ sơ đưa tôi ra tòa có tin đồn trong hai chuyến đi Mạc Tư Khoa trong năm 1990 tôi đã rút hồ sơ tình báo liên quan đến các điệp viên tở mật của Đông Đức đang nằm ở Tây phương cho Mạc Tư Khoa. Điều này không đúng vì vào năm 1990 tôi nghỉ hưu đã hơn 3 năm. Werner Grossmann là một người có trách nhiệm không để tôi lấy hồ sơ mật, dù tôi muốn. Tôi nghĩ một nhân viên cao cấp nào đó của tình báo Đông Đức đã lấy bán cho CIA. Trước đó CIA đã gạ nhân viên phụ trách Vụ Mỹ châu mua tài liệu này một triệu mỹ kim nhưng bị từ chối. Tuy nhiên để đánh lạc hướng một chiến dịch tung tin được nghiên cứu tỉ mỉ làm cho dư luận tin rằng tài liệu mật đó đã được chuyển cho cơ sở KBG tại Berlin.

Ngày 4-5-93 tôi ra tòa tại Tối Cao Pháp Viện của nước Đức thống nhất tại Karlsruhe trong một phòng xử được xây dưới mặt đất để tránh nghe lén. Lời khai các nhân chứng được tuyệt đối giữ kín.

Tòa xử tôi về tội phản quốc. Nhưng quốc gia buộc tội tôi phản được khai sinh ngày 3-10-90, từ ngày đó đến nay tôi không làm gì gọi là bội phản. Còn trước đó tôi là công dân của một nước khác - nước Đông Đức - và tôi đã hết lòng hết sức phục vụ nó. Các luật sư của tôi nêu ra sự phi lý của phiên tòa và yêu cầu tòa tuyên bố vô thẩm quyền.

Nhưng tòa vẫn xử. Suốt bảy tháng nhiều nhân chứng xuất hiện, cộng sự với tôi cũng có, nguyên địch thủ với tôi cũng có, điệp viên tôi gài ở Tây Đức cũng có. Nghe các lời khai tôi có cơ hội suy nghĩ về ý nghĩa của cuộc Chiến tranh lạnh trong đó tôi đã đóng một vai trò quan trọng. Tôi đã phục vụ hữu hiệu một chế độ và nó đã sụp đổ. Chiến tranh lạnh không phải là một cuộc chiến đen trắng rõ ràng. Nó có những vùng xám. Trước tòa tôi tuyên bố:

“Không thể dùng pháp lý để thẩm định một gian đoạn lịch sử đầy mâu thuẫn, ảo tưởng và tội lỗi. Hệ thống chính trị trong đó tôi đã sống và làm việc là một ảo tưởng nhưng từng làm say mê hàng triệu người trong đó có những nhà trí thức lớn vì họ tin rằng hệ thống chính trị đó có thể giải phóng con người khỏi sự đàn áp, bắt công và chiến tranh. Hệ thống đó thất bại vì dân không tin. Nhưng tôi muốn nói rằng trong 40 năm qua không phải cái gì của Đông Đức cũng

xấu và cái gì của Tây Đức cũng tốt. Giai đoạn lịch sử này sẽ không ổn định được nếu cứ cho một bên đúng một bên sai.”

Nói vậy không có nghĩa không ai có lỗi, không ai đáng bị trách cứ. Không phải vậy. Chiến tranh lạnh là một cuộc chiến tranh tàn bạo, bên nào cũng nặn tay với kẻ địch để chiến thắng. Hôm nay trận Chiến tranh lạnh đã kết thúc và Đông Đức không còn tồn tại nhưng không nên cho rằng những gì hai bên đã nói là chân lý. Triết gia Nhật Daisaku Ikeda nói: “Chúng ta không thể kết luận một cách đơn giản phía này đại diện cho thánh thiện, phía kia đại diện cho tội ác. Thánh thiện hay tội ác thay đổi tùy theo điều kiện lịch sử, tùy theo tính chất của xã hội, tùy theo thời gian và quan điểm.”

Tôi nghĩ nhìn như vậy chúng ta mới học được bài học thật sự của cuộc Chiến tranh lạnh vừa qua và ý nghĩa cuộc đời của những chiến sĩ trong cuộc chiến đó, bên này cũng như bên kia.

LỜI NÓI SAU CÙNG CỦA MARKUS WOLF

Nghề tình báo có những phút thỏa mãn khi hoàn tất xong một công tác tưởng không làm được, có những lúc nản chí làm chẳng ai khen, và bạc bẽo nhất là làm người ít khi mang tin vui cho các lãnh tụ chính trị.

Một điều khó hiểu là những đối thủ cao tay tôi đương đầu trong cuộc Chiến tranh lạnh mỗi giai đoạn của đời sống suy nghĩ một cách khác nhau, ngoại trừ lúc họ chiến thắng. Riêng tôi, có lúc cầm đầu trong trận giặc tình báo, có lúc phải chứng kiến sự lợi dụng quyền lực nhân danh công bình xã hội.

Tôi thường lấy gương của các điệp viên đi trước để động viên tinh thần nhân viên. Kết quả trông thấy đối với các sĩ quan trong nước hay các điệp viên đang hoạt động ở hải ngoại. Nhưng vẫn có một câu hỏi khó chịu. Làm một điệp viên giỏi để làm gì? Khi Hitler đang thống trị nước Đức, Richard Sorge, Harro Schulze-Boysen và Leopold Trepper đã cho Liên bang Xô viết biết ý định quân sự của Hitler nhưng Stalin không thèm nghe, kết quả là chiến tranh làm biết bao nhiêu người bỏ mạng. Thảm trạng là những người đó đã phục vụ cho một chế độ không chấp nhận sự phê bình, một chế độ một người quyết định tất cả, một chế độ không chấp nhận đối lập và bịt tai trước các tin tức khó chịu cho mình.

Những năm sau này tôi tìm cách tiếp xúc với những người trong tổ chức Rote Kapelle còn sống sót để tìm hiểu cái gì đã thúc đẩy những người khác nhau về trình độ và chính kiến như những người trong tổ chức Rote quyết định ngồi lại với nhau để chống Hitler. Chống lại Hitler có nghĩa chống lại sự tàn bạo và chấp nhận cái chết. Sức mạnh tinh thần nào đã giúp họ? Tôi tìm hiểu được một phần qua báo chí và sách vở Tây phương. Tại Đông Đức người ta kiêng kỵ nói đến các phong trào chống Hitler.

Trong Chiến tranh lạnh hai phía kình chống nhau kịch liệt nhưng chúng tôi không hăng như những người chống Quốc xã. Cuốn sách này không nói được gì hơn là cho thấy giá trị tương đối của tình báo. Chúng tôi chỉ giúp người lãnh đạo yên tâm rằng sẽ không bị địch đánh bất

ngờ. Và nhờ đó mà hòa bình được duy trì một thời gian nửa thế kỷ, dài nhất trong lịch sử Âu châu.

Nhưng các nhà lãnh đạo chính trị bên nào cũng không chịu nhìn nhận điều này. Do bản chất của tin tình báo bên nào cũng chỉ có một số ít người ở vị trí lãnh đạo được đọc các bản báo cáo tình báo. Và vì báo cáo quá nhiều phải có ban tham mưu tóm tắt, do đó nội dung và giá trị của tin tức trước mắt người đọc đã bị biến dạng. Người lãnh đạo quyết định như ban tham mưu muốn. Và vì sao họ quyết định như vậy là một điều chúng tôi không biết và không có quyền thắc mắc.

Trong một nước độc tài sự sai lầm trong quyết định là điều dĩ nhiên. Các cuộc thảo luận tại Chính trị bộ nhanh chóng biến thành những cuộc nói chuyện linh tinh không liên hệ gì đến vấn đề đang được thảo luận.

Các quốc gia dân chủ cũng không có cách gì thực tế và hữu hiệu hơn để đánh giá trị các tin tình báo. Vụ Vịnh Con Heo là một thí dụ. Tổng thống Kennedy đã quyết định theo khuyến cáo của một ban tình báo hải ngoại thiếu khả năng được yểm trợ bởi một số chính trị gia thiếu óc tưởng tượng. Tại Tây Đức, ban tham mưu của phủ thủ tướng - dựa vào chỗ tôi biết - xem các bản báo cáo tình báo của cơ quan tình báo Tây Đức như giấy lộn. Giận các vụ gián điệp của Đông Đức, cố lần thủ tướng Helmut Schmidt nói với đại sứ Đông Đức Michael Kohl: “Quý vị nên dẹp các vụ gián điệp vô bổ của các vị đi. Quý vị chẳng lượm được tin gì đáng giá đâu. Những bí mật quân sự quan trọng Hoa Kỳ và Liên bang Xô viết đều biết cách giữ kín. Chi tiêu để do thám chi phí tiền và chỉ làm cho các cơ quan tình báo có cơ để tăng ngân sách và nhân viên.”

Nói vậy nhưng cơ quan tình báo của Tây Đức vẫn thuộc thủ tướng, và ông Helmut Schmidt cùng bộ tham mưu vẫn thường đến viếng bộ chỉ huy BND tại Pullach. Và không một nước nào không có tình báo. Tình báo nước này làm khổ tình báo nước kia và điều này đúng nhất giữa tình báo Đông và Tây Đức.

Đối với người ngoài cuộc thế giới tình báo là một thế giới thiếu luân lý và lúc này, khi Chiến tranh lạnh đã chấm dứt người ta không cho sự hữu ích của các cơ quan tình báo xứng với số tiền khổng lồ đã chi tiêu. CIA của Hoa Kỳ tiêu hàng tỉ mỹ kim nhưng không tiên đoán trước được sự sụp đổ của khối Liên xô và không phát hiện kịp thời một kẻ phản bội trong ruột của mình, trường hợp ông Aldrich Ames.

Theo tôi cắt một nửa số tiền đã chi tiêu kết quả cũng như vậy. Tôi lo ngại rằng nếu cơ quan tình báo không bị hạn chế, thì trong một nước độc tài cũng như dân chủ người cầm quyền sẽ có khuynh hướng dùng để theo dõi người dân. Tại Đông Đức tình báo đã được dùng để bóp chết dân quyền, nhưng trong các nước dân chủ sự kiểm soát của quốc hội đối với cơ quan tình báo cũng khó hoàn hảo. Cơ quan tình báo có trăm lý do - an ninh quốc gia là một - để không tiết lộ một số tin tình báo cho quần chúng biết. Số dân biểu hay nghị sĩ tại quốc hội Tây Đức hay Hoa Kỳ có quyền được nghe báo cáo mọi hoạt động tình báo dù mật đến đâu đôi khi than phiền họ không biết hết những điều họ muốn biết.

Chừng nào còn hai lực lượng chính trị và hai quân đội đối chọi nhau thì còn cần tình báo để biết ý định của nhau. Và tình báo không phải là một trò chơi. Nhiều người bỏ mạng, tù đầy, sự nghiệp tan vỡ. Nhưng kết quả rất ít. Nhiều khi tôi tự hỏi có cần phải trả giá cho nhu cầu tình báo cao như vậy không?

Tôi nhấn mạnh trong cuốn sách này tôi chưa hề phản bội lại lý tưởng của tôi, và vì vậy tôi có quyền cho rằng đời sống tôi không vô ích. Tôi cũng như những người bạn tôi, và những người đồng thời không sống một cách vô ích mặc dù những quyết định và hành động của chúng tôi đã gây tổn thương cho một số người.

Nhớ lại thời thanh niên ở Mạc Tư Khoa, điều tôi nhớ trước tiên không phải là tội ác của Stalin hay liên minh Nga-Đức mà là những khó khăn đời sống trong Thế chiến hai. Thế chiến hai là một biến cố quan trọng đối với hàng triệu người ở Liên bang Xô viết, chấm dứt chế độ bạo tàn Đức Quốc xã. Làm sao một người từng chiến đấu chống sự tàn bạo của Hitler có thể bị coi là một kẻ bội phản với Đức quốc? Sự đóng góp của tôi và của gia đình tôi cho cuộc đấu tranh chống Hitler dù nhỏ nhoi tôi vẫn có quyền tự hào.

Sau chiến tranh tôi muốn làm cho thế giới nhớ tội ác của Hitler đối với nhân loại và cảnh giác để thế giới biết nhiều thành phần Quốc xã còn nằm trong chính quyền Tây Đức. Cái bóng đen khủng khiếp của Hitler thúc đẩy tôi phục vụ ngành tình báo. Đó không phải là phản bội. Ngoài ra tình báo Đông Đức còn đóng góp nhiều trong việc giúp Âu châu tránh đụng độ nguyên tử.

Tuy nhiên tôi không có quyền tự hào. Giá trị chống phát xít của Đông Đức không che được mặt trái đàn áp của chế độ và tôi có trách nhiệm trong đó. Tôi là một phần của chế độ đàn áp, người dân có quyền nguyên rủa tôi.

Từ những ngày không quên năm 1989 tôi vẫn tự hỏi tại sao Đông Đức có thể thất bại thảm như vậy, và nhất là tại sao mãi đến lúc đó tôi mới nói lên được điều tôi suy nghĩ. Tôi không thiếu can đảm nhưng kinh nghiệm cho tôi biết phản ứng vô ích. Phản ứng như đổ dầu vào lửa và sự đàn áp càng thất chặt hơn. Tôi nghĩ kiên nhẫn đưa ý kiến nhẹ nhàng có kết quả hơn trong một chế độ không chấp nhận ý kiến khác biệt. Phát biểu công khai sẽ bị người lãnh đạo thiếu tự tin kết tội là phản bội.

Có thể tôi đã lầm. Nhưng không thể níu kéo quá khứ lại. Nếu có dịp dạy các cháu tôi tôi sẽ dạy chúng phải can đảm đấu tranh cho ý kiến của mình dù bị đàn áp. Tôi được giáo dục phải biết tôn trọng lối sống của người khác và không nên buộc người khác phải theo một công thức nào đó. Nhưng suốt đời và trong sự nghiệp tôi chọn thái độ chờ đợi, hy vọng sẽ có thay đổi.

Chúng tôi ai cũng từng nóng lòng chờ một sự thay đổi tại Mạc Tư Khoa, biết nó sẽ ảnh hưởng đến Đông Âu. Khi Gorbachev lên không ai vui mừng bằng tôi. Nhưng quá trễ. Nước Nga bị vi trùng đục khoét từ năm 1917 đã trở thành con bệnh nan y.

Vậy còn lại cái gì? Nhớ lại thời niên thiếu chúng tôi tin một cách mãnh liệt rằng lý thuyết của Marx và Engels có thể biến thành hiện thực, và một xã hội có tự do, bình đẳng, và tình huynh đệ có thể thực hiện được chúng tôi không thể hiểu tại sao chúng tôi thất bại. Chúng tôi nghĩ với sức mạnh của ý chí chúng tôi có thể biến cải thế giới. Bây giờ nhìn lại tôi thấy rằng chúng tôi thất bại không phải chúng tôi không đủ ý thức về một xã hội tốt đẹp mà vì chúng tôi không áp dụng đủ ý thức xã hội cao cả đó trong thực tế. Tội ác của Stalin không do thuyết cộng sản mà do vi phạm thuyết cộng sản. Tuy nhiên những sản phẩm của chế độ Stalin như chính sách hủy bỏ tự do cá nhân cho quyền lợi đảng cộng sản, lừa gạt quần chúng, bẻ cong lịch sử được rập khuôn nhanh chóng tại các nước sau bức màn sắt. Điều đáng buồn là Đông Đức lạm dụng gắt gao nhất và đó là lý do Đông Đức chết vì ngộp thở. Tôi công nhận rằng chính thể độc tài cộng sản thua sút các chế độ dân chủ Tây phương mặc dù về mặt an sinh dân chúng được bảo đảm hơn trong một giới hạn nào đó. Bài học lớn của sự sụp đổ của Đông Âu là sự tự do tư tưởng và tự do ngôn luận là những điều căn bản cho một xã hội tiến bộ của thời đại này không khác gì những nguyên tắc chúng tôi tranh đấu. Không thể nhân danh tranh đấu cho công bình và bình đẳng xã hội mà tiêu diệt tự do.

Với một số người dân Đông Đức, đời sống mới trong nước Đức thống nhất không huy hoàng như mọi người chờ đợi - kiếm việc khó, giá thuê nhà cao, và mọi người cảm thấy xa cách nhau. Đương nhiên, nếu so sánh đời sống của một xã hội dân chủ Tây phương như nước Đức với một xã hội lý tưởng để chê bai thì không đúng, nhưng tôi biết nhiều người không thích sống trong một xã hội trong đó người giàu giàu thêm, người nghèo nghèo thêm. Người Mỹ có lý khi tự hào về xứ sở và những thành tựu của quê hương mình nhưng tôi không thể hiểu tại sao họ có thể chấp nhận rằng ít nhất có 40 triệu đồng bào của mình sống trong cảnh thiếu thốn cùng cực. Tôi rất khó chịu về triển vọng một xã hội văn minh chỉ xây dựng trên đồng tiền. Tiền bạc có thể mạnh như một chính phủ độc tài, chỉ khác sự tàn bạo của đồng tiền khó thấy hơn. Trong khối Cộng người ta nhân danh lý tưởng để lạm quyền. Trong xã hội tư bản người ta nhân danh tự do cá nhân cho quyền lợi thương mại. Đó là lý do tại sao một số không ít người trong các quốc gia thắng trận Chiến tranh lạnh không tin tưởng lắm vào khả năng giải quyết các vấn đề xã hội của định chế chính trị của quốc gia mình.

Tuy nhiên, tôi vẫn là một người thích lý tưởng và lạc quan. Tôi tin rằng những người trẻ tuổi vẫn ước mơ một tương lai tốt đẹp hơn cho mọi người, một thế giới biết yêu thương hơn thế giới hôm nay. Tôi không nghĩ rằng những tư tưởng viễn vông đều vô nghĩa, trái lại đôi khi cần cho nhân loại. Thật vậy, nếu không có những lý tưởng không tưởng chúng ta có nguy cơ lại rơi vào tình trạng đã man dẫn tới sự băng hoại không những cho một quốc gia mà cho cả thế giới.

Tôi tin chắc rằng thế hệ trẻ hôm nay và những thế hệ tới sẽ tìm ra con đường để giải quyết vấn đề gai góc này.

****Markus Wolf ****